

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 07 năm 2019

**KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA 2019 - 2020**

Căn cứ kế hoạch năm học của khoa Văn hóa Thông tin, Bộ môn Quản lý văn hóa báo cáo phân công giảng viên năm học 2019-2020, cụ thể như sau:

1. Phân công giảng viên giảng dạy các học phần

STT	Tên học phần	Số TC	Bộ môn QL	Bắt buộc/Tự chọn	Giảng viên phụ trách HP	Giảng viên cùng dạy	Ghi chú
I	Giáo dục đại cương						
1.	Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninsm	3	GDĐC	Bắt buộc	Nguyễn Thị Tình	Hoàng Thị Thảo Lê Đình Hải Phạm Thị Phụng	
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Marxism and Leninsm	2	GDĐC	Bắt buộc	Phạm Thị Phụng	Nguyễn Thị Tình Lê Đình Hải Hoàng Thị Thảo	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	GDĐC	Bắt buộc	Nguyễn Thị Tình	Phạm Thị Phụng Nguyễn Thị Tình	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2	GDĐC	Bắt buộc	Vũ Thị Thùy	Vũ Thị Hoàng Oanh	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	GDĐC	Bắt buộc	Vũ Thị Hoàng Oanh	Vũ Thị Hoàng Oanh	

	History of Vietnam Communist party						
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3	QLVH	Bắt buộc	Hà Đình Hùng	Nguyễn Văn Dũng	
7.	Pháp luật đại cương Introduction to laws	3	Luật	Bắt buộc	Hoàng Đình Hiến	Nguyễn Thị Lan Anh	
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	2	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Hà	Nguyễn Văn Dũng	
9.	Tâm lý học đại cương General psychology	3	GDĐC	Bắt buộc	Lê Bá Thành	Nguyễn Thị Hồng Trần Thị Vân	
10.	Mỹ học đại cương General aesthetics	2	GDĐC	Bắt buộc	Lê Xuân Sơn	Lê Văn Dương	
11.	Lịch sử văn minh thế giới History of world civilization	3	GDĐC	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thái	Đậu Thị Thùy	
12.	Ngoại ngữ 1 Foreign language 1(English 1)	4	NN	Bắt buộc	Hoàng Thị Huệ	Lê Quốc Nguyên Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
13.	Ngoại ngữ 2 Foreign language 2(English 2)	3	NN	Bắt buộc	Hoàng Thị Huệ	Lê Quốc Nguyên Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
14.	Tin học đại cương	3	TTTT	Bắt buộc	ThS.Trịnh Văn Anh	ThS.Hoàng Anh Công ThS.Tào Ngọc Biên ThS.Lê Ngọc Hoàn ThS.Lưu Vũ Nam	
15.	Giáo dục thể chất	5	QLTT		ThS.Đặng Thế Hanh	ThS.Đương Đình Tiến ThS.Nguyễn Thành Trung	
16.	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8					

II.	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp						
2.1	Kiến thức ngành						
17.	Văn hóa học đại cương General culturology		QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh		
18.	Dân tộc học đại cương General ethnology	2	QLVH	Bắt buộc	Bùi Thị Hậu		
19.	Nghệ thuật học đại cương General art	2	QLVH	Bắt buộc	Trần Việt Anh		
20.	Đại cương khoa học quản lý General management science	2	QLVH	Bắt buộc	Mai Anh Vũ		
21.	Văn hóa các dân tộc Việt Nam Culture of vietnamese peoples	3	QLVH	Bắt buộc	Tạ Thị Thủy	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	
22.	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam Vietnamese belief and religion	3	QLVH	Bắt buộc	Lê Thị Thảo	Hà Đình Hùng	
23.	Văn hóa dân gian Việt Nam Vietnamese folk culture	2	QLVH	Bắt buộc	Hoàng Thị Kim Oanh	Lê Thị Hương	
24.	Tiến trình lịch sử Việt Nam Vietnamese history process	2	QLVH	Bắt buộc	Lê Thị Hòa		
25.	Văn hóa gia đình Family culture	3	QLVH	Bắt buộc	Bùi Thị Hậu		
26.	Văn hóa công sở Office culture	3	QLVH	Bắt buộc	Hoàng Thị Thu Hằng		
27.	Khu vực học Area study	2	QLVH	Tự chọn	Tạ Thị Thủy		
28.	Làng xã Việt Nam Vietnamese village	2	QLVH	Tự chọn	Lưu Thị Ngọc Diệp	Nguyễn Văn Dũng	
29.	Xã hội học văn hóa Culture sociology	2	QLVH	Tự chọn	Vũ Văn Tuyền		
30.	Địa chí văn hóa Cultural geography	2	QLVH	Tự chọn	Hà Đình Hùng		
2.2	Kiến thức chuyên ngành		QLVH				

31.	Kinh tế học văn hóa Cultural economics	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thanh Nga		
32.	Các ngành công nghiệp văn hóa The cultural industries	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thanh Nga		
33.	Marketing văn hóa nghệ thuật Artistic culture marketing	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thuỷ	Nguyễn Thị Thanh Nga	
34.	Quản lý Nhà nước về Văn hóa, Thể thao và du lịch State management of culture, sport & tourism	3	QLVH	Bắt buộc	Lê Thị Thảo	Trịnh Ngọc Trung Vũ Văn Tuyền	
35.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản Text-drafting techniques	3	QLVH	Bắt buộc	Hoàng Thị Kim Oanh	Nguyễn Thị Hà	
36.	Chính sách văn hóa Cultural policy	3	QLVH	Bắt buộc	Lê Thị Hòa	Nguyễn Thị Thục	
37.	Quản lý dự án văn hóa Management of cultural projects	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thục	Nguyễn Thị Thuỷ	
38.	Quản lý các thiết chế văn hóa Management of cultural institutions	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thuỷ	Hà Đình Hùng	
39.	Quản lý di sản văn hóa Management of cultural heritage	3	QLVH	Bắt buộc	Lê Thị Thảo	Nguyễn Văn Dũng	
40.	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật Human resource management in cultural – arts organizations	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thục	Lê Thị Hòa	
41.	Quản lý hoạt động thông tin truyền thông Management of information – communication activities	3	QLVH	Bắt buộc	Tào Ngọc Biên		
42.	Quản lý hoạt động nghệ thuật (quảng cáo, triển lãm, hoạt động biểu diễn nghệ thuật, khu vui chơi giải trí) Management of artistic activities (advertisement, exhibitions, arts performance, amusement parks)	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Vũ Thị Huyền	
43.	Tổ chức sự kiện	3	QLVH	Bắt buộc	Vũ Thị Huyền	Nguyễn Thị Lan	

	Event organizing						
44.	Gây quỹ và tìm tài trợ Raising fund and finding sponsor	3	QLVH	Bắt buộc	Nguyễn Thị Thuỷ	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	
45.	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp Building an overall art program	3	QLVH	Bắt buộc	Vũ Thị Huyền	Nguyễn Thị Lan	
46.	Quản lý dịch vụ văn hóa Management of cultural services	3	QLVH	Tự chọn	Nguyễn Thị Thuỷ	Nguyễn Thị Thanh Nga	
47.	Xây dựng văn hóa cộng đồng Building community culture	3	QLVH	Tự chọn	Nguyễn Văn Dũng	Nguyễn Thị Thuỷ	
48.	Quan hệ công chúng Public Relations	3	QLVH	Tự chọn	Mai Anh Vũ		
49.	Truyền thông quốc tế International communication	3	QLVH	Tự chọn	Mai Anh Vũ		
50.	Kỹ năng mềm Soft skills	4	QLVH	Tự chọn	Vũ Thị Huyền		
2.3	Thực tế, Thực tập						
51.	Thực tế chuyên ngành Specialized practice	04	TTTV		Bộ môn QLVH		
52.	Thực tập tốt nghiệp Final internship	08	TTTV	Bắt buộc	Bộ môn QLVH		

2. Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019

TT	Họ và tên GV	Trình độ	Môn dạy	Lớp	Số tiết	Tổng tiết	Định mức	Ghi chú
I	Học kỳ 1							
1.	Tào ngọc Biên	Th.s	Quản lý hoạt động thông tin truyền thông	ĐH QLVHLTK6B-QT	45	189	270	

			Quản lý các hoạt động thông tin và truyền thông	ĐH QLVHK6	45			
			Quản lý hoạt động thông tin truyền thông	ĐHQLVHLTK6B	45			
			Quản lý hoạt động thông tin truyền thông	ĐHQLVHK6B-HT	45			
2.	Lưu Thị Ngọc Diệp	Th.s	Làng xã Việt Nam	ĐH QLVHLTK8A, B	45	90	270	
			Văn hóa các dân tộc Việt Nam	ĐH QLVHLTK8A, B	45			
3.	Nguyễn Thị Thùy Dương	Th.s	Văn hóa công sở	ĐHQLVHK6B-HT	30	105	270	
			Văn hóa công sở	ĐHQLVHK7	30			
			Văn hóa gia đình	ĐHQLVHLTK7B	45			
4.	Bùi Thị Hậu	Th.s	Dân tộc học	ĐHQLVHK7	30	30	270	
5.	Lê Thị Hòa	Th.s	Tiến trình lịch sử Việt Nam	ĐHQLVHK6+DLK6+DLK7	45	90	270	
			Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức VHNT	ĐHQLVHLTK6B	45			

6.	Vũ Thị Huyền	Th.s	Quản lý các hoạt động nghệ thuật	ĐHQLVHK5	30	75	270	
			Tổ chức sự kiện	ĐHQLVHLTK7A+QLVHK6B	45			
7.	Nguyễn Thị Thanh Nga	Th.s	Các ngành công nghiệp văn hóa	ĐHQLVHK6	30	60		
			Kinh tế học văn hóa	ĐHQLVHLTK7B	30			
8.	Hoàng Kim Oanh	Th.s	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	ĐHQLVHK6	30	90	240	
			Kỹ thuật soạn thảo văn bản	ĐHQLVHK6B-HT	30			
			Kỹ thuật soạn thảo văn bản	ĐHQLVHK6B-QT	30			
9.	Nguyễn Thị Thủy	Th.s	Quản lý các thiết chế văn hóa	ĐHQLVHLTK6B	45	180	270	
			Xây dựng văn hóa cộng đồng	ĐHQLVHLTK7B	45			
			Tổ chức hoạt động văn hóa cơ sở	ĐHQLVHLTK7A	45			
			Xây dựng văn hóa cộng đồng	ĐHQLVHK5	45			

II	Học kỳ 2							
10.	Lê Thị Thảo	TS	Quản lý di sản văn hóa	ĐH QLVHLTK6B+ QLVHLTK7A	45	75		
			Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	ĐH QLVHLTK6B+ QLVHLTK7A	30			
11.	Nguyễn Thị Thủy	Th.s	Quản lý các hoạt động thông tin và truyền thông	ĐH QLVHK6	45	135	270	
			Quản lý các thiết chế văn hóa	ĐH QLVHK6	45			
			Tổ chức - quản lý hoạt động văn hóa cơ sở	ĐH QLVHK5	45			
12.	Nguyễn Thị Thục	TS	Chính sách văn hóa	ĐH QLVHLTK6B-QT	45	90		
			Quản lý nhà nước về văn hóa, Thể thao và Du lịch	ĐH QLVHK7 + QLNNK4+ QLTTK5	45			
13.	Bùi Thị Hậu	Th.s	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	ĐH QLVHK7	45	45	270	

KHOA VH - TT

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Nguyễn Thị Nhung'.

Th.S Nguyễn Thị Nhung

BỘ MÔN

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Lê Thị Thảo'.

T.S Lê Thị Thảo